

Bản án số: 156/2021/HS-ST
Ngày 12-9-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm pH - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Ân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm St nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm St viên.

Trong ngày 12 tHg 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2021/TLST-HS ngày 05/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST-HS ngày 11/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/HSST-QĐ ngày 23/8/2021 đối với bị cáo:

*** Họ và tên:** Vi Văn T, sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Trại Cả, xã Đồng Lạc, huyện YT, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: Vi Văn S, sinh năm 1969; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Gia đình có 02 con, bị cáo là con út; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1969, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Số 1321, đường Hoàng Hoa Thám, khu 34, xã Song Mai, thành phố B, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Năng M, sinh năm 1965, (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện L, tỉnh B

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973, (vắng mặt).

Trú tại: Phố Hòa Bình, thị trấn Bồ Hạ, huyện YT, tỉnh B

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972,(có mặt).

Trú tại: Thôn Trại Cả, xã Đồng Lạc, huyện YT, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 40 phút ngày 21/4/2021, Vi Văn T, sinh năm 1998, trú tại thôn Trại Cả, xã Đồng Lạc, huyện YT, tỉnh B một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98C1-043.93 đi từ khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh B về huyện YT, tỉnh B. Trên đường đi, do không có tiền chi tiêu cá nhân, T nảy sinh ý định tìm tiệm vàng giả vờ hỏi mua vàng rồi cướp giật tài sản. Khi đi trên đường Hoàng Hoa Thám theo hướng từ thành phố B đi YT đến đoạn đường thuộc địa bàn khu 34, xã Song Mai, thành phố B, T nhìn thấy bên phải đường có cửa hàng vàng Đức Phúc của gia đình bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1969, trú tại số 1321, đường Hoàng Hoa Thám, khu 34, xã Song Mai, thành phố B. T để ý thấy cửa hàng không có khách mua vàng, chỉ có bà O ở trong cửa hàng. T đỗ xe trước cửa hàng rồi đi vào trong gặp bà O hỏi mua dây chuyền vàng loại 01 “cây”. Bà O trả lời “chỉ còn loại dây chuyền vàng loại 5 chỉ”. T bảo “cho cháu xem”. Bà O đưa cho T 02 sợi dây chuyền vàng mỗi sợi 05 chỉ, T bảo bà O tính tiền. Lợi dụng lúc bà O đang tính tiền, T cầm 02 sợi dây chuyền vàng trên tay nhanh chóng chạy ra xe mô tô nổ máy lái xe bỏ chạy theo hướng đường huyện YT về thành phố B. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến cửa hàng vàng bạc M Ngoạn của ông Nguyễn Năng M, sinh năm 1965, trú tại thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa, huyện L, tỉnh B bán cho ông M 01 sợi dây chuyền vàng với giá 26.100.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến cửa hàng vàng bạc Hùng B của bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973, trú tại phố Hòa Bình, thị trấn Bồ Hạ, huyện YT, tỉnh B bán cho bà B 01 sợi dây chuyền vàng còn lại được số tiền 25.400.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được do bán 02 sợi dây chuyền vàng trên, T khai đã chi tiêu cá nhân hết. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 52.300.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Vi Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 03/8/2021, Viện kiểm St nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Vi Văn Tiến về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận nội dung, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng nêu là đúng. Viện kiểm St nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm St giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

+ Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 171; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 03 năm đến 03 năm 03 tHg tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 26/4/2021.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vi Văn T.

+ Về vật chứng: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Vi Văn Tiến 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 plus, có số imei 359175073358431, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm St mà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện sớm trở về đoàn tụ với gia đình và trở thành người lương thiện.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, phân trình bày của bị cáo tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm St viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm St nhân dân thành phố B, Kiểm St viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản nhận dạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 40 phút ngày 21/4/2021, tại cửa hàng vàng Đức Phúc của gia đình bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1969, trú tại: Số 1321, đường Hoàng Hoa Thám, khu 34, xã Song Mai, thành

phố Bắc Giang, tỉnh B; Vi Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của gia đình bà O, Tiến đã có hành vi giả vờ hỏi mua vàng, lợi dụng lúc bà O tính tiền, Tiến đã cầm 02 sợi dây chuyền vàng trên tay nhanh chóng chạy ra xe mô tô nổ máy lái xe bỏ chạy theo hướng đường huyện Yên Thế về thành phố Bắc Giang. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Tiến chiếm đoạt là 52.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Bản cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 03/8/2021 của Viện kiểm St nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Vi Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo đã dùng thủ đoạn một cách công khai và nhanh chóng để chiếm đoạt của bị hại tổng tài sản giá trị 52.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội ra đầu thú, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có thời gian tham gia phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam (từ 06/3/2018 đến ngày 13/01/2020). Đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Sau khi xem xét hành vi, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Với tính chất hành vi phạm tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để nộp ngân Sch nhà nước, xong Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, bị cáo không có tài sản riêng, chưa có vợ con nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[8] Ông Nguyễn Năng M và bà Nguyễn Thị B là người mua sợi dây chuyền vàng do bị cáo cướp giật mà có. Tuy nhiên ông M, bà B không biết việc Tiến cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với ông M, bà B là đúng quy định pháp luật.

[9] Bà Nguyễn Thị H là người cho bị cáo T mượn xe để sử dụng. Tuy nhiên, bà H không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với bà H là đúng quy định pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hán đại diện cho gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại là bà Nguyễn Thị O số tiền tương ứng với giá trị tài sản bị cáo Tiến chiếm đoạt 26.500.000 đồng và bồi thường số tiền mua vàng của bà Nguyễn Thị B 25.400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị B không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 plus, có số imei 359175073358431, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cần tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án và áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên quyền kHg cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 171; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vi Văn T 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/4/2021.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 plus, có số imei 359175073358431, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

. 3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vi Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm..

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TP.B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Ân